

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 13 - 02 - 2018.

V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng.

2. Ông Đàm Văn Kiều.

- T ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú – T ký Tòa án.

Ngày 13/02/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2017/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXX - ST ngày 12/01/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST – HNGĐ ngày 30/01/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T – Sinh năm: 1991;

Địa chỉ: Xóm 8, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn B – Sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Xóm 8, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa vắng mặt chị T và anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng trong đơn khởi kiện lập ngày 09/8/2017 cũng như lời khai tại các buổi làm việc thể hiện: Chị kết hôn với anh Đỗ Văn B vào tháng 12/2009 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói

chung trong hôn nhân, dẫn đến tháng 11/2015 thì chị vợ chồng chị ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh B không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn B.

Về con chung chị Nguyễn Thị T khai: Giữa chị và anh B có một con chung là cháu Đỗ Thị Xuân M, sinh ngày 04/08/2010, hiện cháu M đang do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi cháu M và không yêu cầu anh B phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị T.

Về tài sản chung của vợ chồng chị T khai vợ chồng chị không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí chị T đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay anh Đỗ Văn B vắng mặt lời khai của anh B tại các buổi làm việc với Tòa án thể hiện: Anh kết hôn với chị T vào tháng 12/2009 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, chị T hay tỏ ra lạnh nhạt, hay cáu gắt với anh B dẫn đến vợ chồng Từng xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Đỉnh điểm nhất là vào năm 2016 khi chị T có hờn lảo với anh nên anh đã tát chị T hai cái sau đó chị T bỏ về nhà bố mẹ để ở vợ chồng anh sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh thì anh có nguyện vọng muốn chị T suy nghĩ lại về đoàn tụ với gia đình để tiếp tục nuôi dạy con cái trưởng thành vì mâu thuẫn chưa lớn. Nếu chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh thì anh cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung anh B xác định vợ chồng có một con chung là cháu Đỗ Thị Xuân M, sinh ngày 04/08/2010, hiện cháu M đang do chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng ly hôn anh B có nguyện vọng nuôi cháu M và không yêu cầu chị T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh B.

Về tài sản chung anh B xác định vợ chồng không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn B đều cư trú tại huyện Nghĩa Hưng. Nay chị Nguyễn Thị T có đơn xin ly hôn anh Đỗ Văn B Tòa án nhân

dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn B vắng mặt, chị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh B là phù hợp với Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn B vào tháng 12 năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đã không hạnh phúc. Sau đó mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, Mặc dù được gia đình hai bên động viên khuyên giải nhưng không thành vợ chồng ly thân nhau từ đầu tháng 11/2015. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn, anh B có quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị T vẫn giữ quan điểm ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh B đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng là không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T xin ly hôn xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn B thống nhất xác định vợ chồng có một con chung là cháu Đỗ Thị Xuân M, sinh ngày 04/08/2010, hiện cháu M đang do chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T và anh B đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu M và không yêu cầu đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Thấy nguyện vọng của hai bên đều là chính đáng, tuy nhiên từ khi ly thân cho đến nay cháu M do chị T trực tiếp nuôi dưỡng mặt khác nguyện vọng của cháu M xin được ở với mẹ. Vì vậy, cần giao cháu Mai cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị T là phù hợp.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn B đều thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[1] - Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn B.

[2] – Về con chung: Xử giao cháu Đỗ Thị Xuân M, sinh ngày 04/08/2010 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị T. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

[3] - Án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số BB/2012/06169 ngày 29/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị T, anh B. Báo cho người vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương